

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 775/2024/DS-PT

Ngày 17/9/2024

V/v “Tranh chấp di sản thừa kế, hủy giấy
chứng nhận quyền sử dụng đất, hủy Bản
cam kết hội đồng gia tộc và công nhận lỗi
đi chung”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Công

Bà Trần Thị Hòa Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hiến - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 17 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 435/DS-PT ngày 31 tháng 5 năm 2024, về việc: “Tranh chấp di sản thừa kế, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hủy Bản cam kết hội đồng gia tộc và công nhận lỗi đi chung”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2024/DS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng N bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2833/QĐPT, ngày 30 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Kim Kh, sinh năm 1969; Nguyễn Thúy Ng, sinh năm 1971; Nguyễn Phương L, sinh năm 1980; bà Kh vắng mặt, bà L và bà Ng có mặt.

Cùng địa chỉ: 28/A2, khu phố Nhị H, phường Hiệp H, thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn: Ông Lê Kiên L, sinh năm 1981; địa chỉ: 137A, đường Thành C, phường Tân Th, quận Tân Ph, thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền, theo Giấy ủy quyền ngày 02/6/2020; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1948; chị Nguyễn Viên Thanh Tr, sinh năm 1976; ông T vắng mặt, bà Trúc có mặt.

Cùng địa chỉ: 29/A2, khu phố Nhị H, phường Hiệp H, thành phố Biên H, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của các bị đơn: Ông Lê Việt C, sinh năm 1962; địa chỉ: 105A1, Hưng Đạo V, phường Quyết Th, thành phố Biên H, tỉnh Đồng N là người đại diện theo ủy quyền, theo Văn bản ủy quyền ngày 19/8/2019 và ngày 07/9/2020; có mặt.

Người bảo vệ quyền lợi cho ông T, chị Tr: Ông Nguyễn Văn Đ – Luật sư Văn phòng luật sư Nguyễn Đức Đ, thuộc đoàn luật sư tỉnh Đồng N; có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1940. Địa chỉ: 76/14, đường Nguyên H, p 11, quận Bình Th, thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

2. Bà Lê Anh Đ, sinh năm 1943. Địa chỉ: 28/A2, khu phố Nhị H, phường Hiệp H, thành phố Biên H, tỉnh Đồng N; vắng mặt.

3. Ủy ban nhân dân thành phố Biên H.

Địa chỉ: 225, Võ Thị S, phường Thống Nh, thành phố Biên H, tỉnh Đồng N.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố Biên H: Ông Lê Hoàng Tuấn A - Phó trưởng phòng, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Biên H, theo Văn bản ủy quyền ngày 06/12/2023; vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn và bị đơn đều kháng cáo bản án sơ thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo các nguyên đơn chị Nguyễn Kim Kh, Nguyễn Thúy Ng, Nguyễn Phương L do anh Lê Kiên L đại diện trình bày:*

Cố Nguyễn Văn S là cha của cụ Nguyễn Thị Nh, cụ Nh là bà nội của các chị Ng, Khanh, L. Năm 1920, cố Nguyễn Văn S đã khai phá mảnh đất có diện tích 489,9m² tại ấp Nhị H, xã Hiệp H (nay là phường Hiệp H), thành phố Biên H, tỉnh Đồng N. Năm 1950, cụ Nh bắt đầu sử dụng mảnh đất này nhưng chưa được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cụ Nguyễn Thị Nh kết hôn với cụ Nguyễn Phước Đ có 02 người con là bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn Phước Th. Ông Nguyễn Phước Th (chết năm 2002) là cha ruột của các chị Ng, Kh, L. Sau khi cụ Nguyễn Phước Đ chết, cụ Nguyễn Thị Nh chung sống với cụ R (không biết rõ họ tên) và có 01 người con chung là ông Nguyễn Văn T.

Năm 1971, ông Nguyễn Phước Th và bà Lê Anh Đ (vợ ông Th) xây dựng nhà ở trên phần đất có diện tích 259,7m² là một phần thuộc mảnh đất 489,9m². Phần diện tích đất còn lại khoảng 230,2m² do cụ Nh quản lý, sử dụng. Năm 1965, cụ Nh xây dựng nhà ở trên diện tích đất này. Năm 1987, ông Nguyễn Phước Thành và bà Lê Anh Đ được T xây dựng tỉnh Đồng N cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà tại địa chỉ: 28/A2, ấp Nhị H, xã Hiệp H, thành phố Biên H, tỉnh Đồng N (diện tích 259,7m²). Đến ngày 18/4/2000 ông Th nộp đơn yêu cầu đăng ký quyền

sử dụng đất đến UBND tỉnh Đồng N đối với thửa đất số 09, tờ bản đồ số 59 với diện tích 259,7m² với mục đích là làm nhà ở. Năm 2003, Ông Nguyễn Phước Th và bà Lê Anh Đ được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất W730234 ngày 02/01/2003 với diện tích 259,7m² có số thửa là 09, số tờ bản đồ là 59 (gọi tắt là thửa đất số 09).

Năm 1994, cụ Nh chết, không để lại di chúc, bà Nguyễn Thị X lập gia đình và sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh, ông Th đã có nhà ở vì thế phần nhà, đất của bà Nh đến nay vẫn là di sản và tạm thời được ông Nguyễn Văn T quản lý và sử dụng. Ngày 19/4/2000 ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Phước Th ký Bản cam kết hội đồng gia tộc để ông Nguyễn Văn T sử dụng toàn bộ căn nhà 29/A2, ấp Nhị H, xã Hiệp H, thành phố Biên H, tỉnh Đồng N và toàn bộ diện tích đất cha mẹ để lại. Tuy nhiên, trong bản cam kết hội đồng gia tộc khẳng định không có người con nào khác ngoài ông Th và ông T, nhưng vẫn còn bà X là con của bà Nh. Năm 2002 ông Th chết, thửa đất số 09 được chia thừa kế làm 03 phần cho các chị Nguyễn Kim Kh, Nguyễn Thúy Ng và Nguyễn Phương L mỗi người được một phần đất và đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho từng người.

Phần diện tích đất còn lại của cụ Nguyễn Thị Nh khoảng 230,2m² cho đến nay vẫn còn là di sản của cụ Nh. Hiện tại, ông Nguyễn Văn T đang sử dụng. Trong quá trình sử dụng đất, ông Nguyễn Văn T đã làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần di sản thừa kế là diện tích đất 230,2m² của cụ Nguyễn Thị Nh. Năm 2006 ông Nguyễn Văn T được ủy ban nhân dân thành phố Biên H, tỉnh Đồng N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 057554 ngày 07/04/2006 số thửa đất là 08, tờ bản đồ 59, diện tích 258.2m² (bao gồm diện tích đất 230,2m² di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị Nh để lại) theo thủ tục thừa kế. Năm 2010, ông Nguyễn Văn T được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mới số BC 781737 ngày 01/01/2010 do UBND thành phố Biên H cấp đứng tên ông Nguyễn Văn T. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới này thì thửa đất số 08 trở thành thửa đất số 52, tờ bản đồ số 59 có diện tích 240,8m² (gọi tắt là thửa đất số 52).

Năm 2013 ông Nguyễn Văn T tách thửa đất số 52 thành hai thửa: Thửa đất thứ nhất có số thửa là 60, tờ bản đồ 59 có diện tích 127,2m² tặng cho cho con gái là chị Nguyễn Viên Thanh Tr theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 763667 do UBND thành phố Biên H, tỉnh Đồng N cấp ngày 31/01/2013 đứng tên chị Nguyễn Thanh Viên Tr. Thửa đất thứ hai có số thửa là 61, tờ bản đồ 59 có diện tích 103m² do Ủy ban nhân dân thành phố Biên H, tỉnh Đồng N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 31/01/2013 đứng tên ông Nguyễn Văn Tư.

Tại đơn khởi kiện, các nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết các yêu cầu sau:

- Yêu cầu chia di sản thừa kế do bà Nguyễn Thị Nh để lại bao gồm thửa đất số 60 (diện tích 127,2m²) và thửa đất số 61 (diện tích 103m²), tờ bản đồ 59, phường Hiệp H, thành phố Biên H, tỉnh Đồng N thành 06 kỷ phần cho 06 người

bao gồm: Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị X, bà Lê Anh Đ, bà Nguyễn Thúy Ng, bà Nguyễn Kim Kh, bà Nguyễn Phương L, mỗi kỷ phần khoảng 38m² tương đương khoảng 70.000.000đ. Nguyên đơn xin được nhận quyền sử dụng đất.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BM 763668 do Ủy ban nhân dân thành phố Biên H cấp ngày 31/01/2013 cho ông Nguyễn Văn Tư (thửa đất 61, tờ bản đồ 59, phường Hiệp H, thành phố Biên H) và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BM 763667 do Ủy ban nhân dân thành phố Biên H cấp ngày 31/01/2013 cho bà Nguyễn Viên Thanh Tr (thửa đất 60, tờ bản đồ 59, phường Hiệp H, thành phố Biên H).

Ngày 02/6/2020, các nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế do bà Nguyễn Thị Nh để lại bao gồm thửa đất số 60 và thửa đất số 61, tờ bản đồ 59, phường Hiệp H, thành phố Biên H, tỉnh Đồng N theo pháp luật, vẫn giữ nguyên yêu cầu hủy 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 09/3/2023, các nguyên đơn đề nghị Tòa án hủy Bản cam kết hội đồng gia tộc được ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Phước Th lập ngày 19/4/2000 do thiếu ý kiến của bà Nguyễn Thị X. Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 12/6/2023, các nguyên đơn đề nghị Tòa án công nhận lối đi có diện tích 40,1m² theo Bản vẽ hiện trạng khu đất số 958/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng N – Chi nhánh Biên H ngày 02/3/2021 là lối đi chung của các hộ gia đình. Trách nhiệm làm lối đi chung, được chia cụ thể như sau: bên nguyên đơn 50% và bên bị đơn 50% giá trị con đường trong phần di sản được hưởng.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Viên Thanh Tr do ông Lê Việt C đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông Tư và chị Tr không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện và yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn vì trước đây gia đình nguyên đơn cũng đã được chia các phần đất khác, còn thửa đất số 60 và 61, tờ bản đồ số 59, phường Hiệp H, thành phố Biên H, tỉnh Đồng N là phần của ông Nguyễn Văn T được chia. Hiện nay ông T và con là chị Tr cũng đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp theo quy định.

Vào ngày 05/7/2019, chị Trúc xin phép xây dựng nhà ở tại thửa đất số 60 và đã được cấp Giấy phép xây dựng số 1601/GPXD-UBND ngày 25/7/2019. Trong quá trình xây dựng, chị Tr vẫn chừa lối đi chung, không vây bọc các bất động sản phía bên trong nhưng gia đình nguyên đơn vẫn khiếu kiện đến Tòa án tỉnh Đồng N. Theo bản vẽ hiện trạng khu đất số 958 ngày 02/3/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng N – Chi nhánh Biên H thể hiện lối đi chung có diện tích 40,1m² thì đề nghị các gia đình phía bên trong chỉ được đi chung trên lối đi này, không được có hành vi xây dựng, ngăn cản đường thoát nước sân vườn chung. Trong trường hợp nhà nước thu hồi thì gia đình ông T, chị Trúc được toàn quyền nhận khoản hỗ trợ, bồi thường. Nếu trường hợp mở lối đi công cộng phía các thửa đất số 53, 54, 55 của các nguyên đơn thì gia đình ông T và chị Tr được quyền sử dụng lối đi băng ngang qua các thửa này ra đường công cộng chung.

Phía nguyên đơn không xác định rõ việc ông Nguyễn Phước Th có ký vào biên bản cam kết hội đồng gia tộc ngày 19/4/2000 hay không đã khởi kiện chia

thừa kế là không đúng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. Việc ông Th có ký vào Bản cam kết hội đồng gia tộc trên đã được chính quyền địa phương xác nhận, điều này thể hiện ý chí của ông Th đã đồng ý giao lại tài sản cho ông T, còn bà Nguyễn Thị X tuy không ký tên vào Bản cam kết hội đồng gia tộc trên nhưng tại Biên bản lấy lời khai do Tòa án nhân dân quận Bình Th lập thì bà X cũng đã có ý kiến không liên quan đến tài sản thừa kế nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ.

Đối với bản vẽ hiện trạng khu đất số 958 ngày 02/3/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng N – Chi nhánh Biên H và các Chứng thư Thảm định giá số 0464/2023/CT-VATC, số 0464-1/2023/CT-VATC thì các bị đơn không có ý kiến gì.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị X trình bày (tại biên bản ghi lời khai ngày 11/01/2023 của TAND quận Bình Th):

Bà và ông Nguyễn Văn T có mối quan hệ là chị em cùng mẹ khác cha, còn Nguyễn Viên Thanh Tr là con của ông Nguyễn Văn T; đồng nguyên đơn gồm các chị Nguyễn Thúy Ng, Nguyễn Kim Kh và Nguyễn Phương L là cháu ruột của bà (là con ruột của ông Nguyễn Phước Th em ruột của bà). Hiện nay nguyên đơn và bị đơn đang tranh chấp với nhau thì bà khẳng định bà không có tranh chấp và cũng không yêu cầu được hưởng phần di sản này, đề nghị Tòa án tỉnh Đồng N giải quyết theo quy định của pháp luật. Việc nguyên đơn yêu cầu được nhận quyền sử dụng đất cũng như yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hai thửa đất cấp cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Viên Thanh Tr (thửa đất số 60, 61; tờ bản đồ số 59) thì bà không có tranh chấp, không yêu cầu chia nên đề nghị tòa án giải quyết theo pháp luật. Do hiện nay bà đã già yếu, đi lại khó khăn nên bà xin vắng mặt tại Tòa án tỉnh Đồng N trong các phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa xét xử của Tòa án và cam kết giữ nguyên ý kiến như đã trình bày.

Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung về hủy Bản cam kết hội đồng gia tộc được ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Phước Th lập ngày 19/4/2000 và công nhận lời đi có diện tích 40,1m² của các nguyên đơn, bà X đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý bổ sung hợp lệ nhưng không có văn bản trình bày ý kiến đối với phần yêu cầu khởi kiện bổ sung này.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Anh Đ trình bày:

Bà là vợ của ông Nguyễn Phước Th và là mẹ của các nguyên đơn chị Nguyễn Thúy Ng, Nguyễn Kim Kh và Nguyễn Phương L. Bà thống nhất với ý kiến trình của nguyên đơn và không có ý kiến gì khác. Vì lý do sức khỏe nên bà xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thành phố Biên H trình bày:

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BM 763668 do Ủy ban nhân dân thành phố Biên H cấp ngày 31/01/2013 cho ông Nguyễn Văn Tư (thửa đất 61, tờ bản đồ 59, phường Hiệp H, thành phố Biên H) và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở

hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BM 763667 do Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa cấp ngày 31/01/2013 cho bà Nguyễn Viên Thanh Tr (thửa đất 60, tờ bản đồ 59, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa) đảm bảo theo quy định của pháp luật. Do đó, việc đương sự yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BM 763668 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BM 763667 là không có cơ sở xem xét. Trường hợp trong quá trình xác minh và xét xử có phát sinh các tình tiết, chứng cứ xác định nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất, hiện trạng sử dụng đất theo nội dung kê khai của chủ sử dụng đất cùng ý kiến xét duyệt của Ủy ban nhân dân phường Hiệp Hòa có sai lệch so với hồ sơ kê khai đăng ký thì đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2024/DS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Điều 34, điểm b khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228, Điều 157, Điều 165; Điều 235; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 122, 123, 254, 609, 611, 612, 613, 620, 623, 649, 650, 651 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 100, 166, 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn chị Nguyễn Thúy Ng, chị Nguyễn Kim Kh, chị Nguyễn Phương L về việc *“Tranh chấp di sản thừa kế, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hủy Bản cam kết hội đồng gia tộc và công nhận lối đi chung”* với bị đơn ông Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Viên Thanh Tr.

1. Xác định quyền sử dụng diện tích đất 230,2m² thuộc 02 thửa 60 và 61, tờ bản đồ 59, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị Nh để lại.

Giao quyền sử dụng diện tích đất 190,1m² của 02 thửa đất 60 và 61, tờ bản đồ số 59, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai của cụ Nh để lại cùng căn nhà cho ông Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Viên Thanh Tr được quyền quản lý, sử dụng; cụ thể giao nhà, đất có diện tích 86,3m² thuộc thửa đất số 61 được giới hạn theo các mốc (19, 20, 21, 22, 23, 12, 10, 19) theo Bản vẽ hiện trạng khu đất số 958/2021 ngày 02/3/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh Biên Hòa cho ông Nguyễn Văn T được quyền quản lý, sử dụng và giao giao nhà, đất có diện tích 103,8m² thuộc thửa đất số 60 được giới hạn theo các mốc (5, 6, 7, 8, 9, 14, 1, 2, 3, 4, 5) theo Bản vẽ hiện trạng khu đất số 958/2021 ngày 02/3/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh Biên Hòa cho chị Nguyễn Viên Thanh Tr được quyền quản lý, sử dụng.

Ông T phải thanh toán cho bà Lê Anh Đ, chị Nguyễn Kim Kh, chị Nguyễn Thúy Ng, chị Nguyễn Phương L tổng số tiền 1.302.251.400đ (Một tỷ ba trăm linh hai triệu hai trăm năm mươi một ngàn bốn trăm đồng), cụ thể mỗi người

325.562.850đ (Ba trăm hai mươi lăm triệu năm trăm sáu mươi hai ngàn tám trăm năm mươi đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi cho người được thi hành án đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Không chấp nhận yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BM 763668 do Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa cấp ngày 31/01/2013 cho ông Nguyễn Văn Tư (thửa đất 61, tờ bản đồ 59, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BM 763667 do Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa cấp ngày 31/01/2013 cho bà Nguyễn Viên Thanh Tr (thửa đất 60, tờ bản đồ 59, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa).

3. Hủy Bản cam kết hội đồng gia tộc ký giữa ông Nguyễn Phước Th và ông Nguyễn Văn T ngày 19/4/2000.

4. Công nhận lối đi có diện tích 40,1m² được giới hạn bởi các mốc (15, 16, 17, 18, 19, 10, 12, 13, 14, 9, 8, 7, 6, 15) theo Bản vẽ hiện trạng khu đất số 958/2021 ngày 02/3/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh Biên Hòa là lối đi chung giữa các nguyên đơn và bị đơn.

Ông Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Viên Thanh Tr có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh lại phần thay đổi diện tích sử dụng theo quy định đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BM 763668 do Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa cấp ngày 31/01/2013 (thửa đất 61, tờ bản đồ 59, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa) và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BM 763667 do Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa cấp ngày 31/01/2013 (thửa đất 60, tờ bản đồ 59, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/01/2024 bị đơn kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm. Ngày 02/02/2024 nguyên đơn kháng cáo yêu cầu chia và nhận kỷ phần thừa kế bằng hiện vật.

Tại phiên tòa, bị đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo; hai bên đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án; nguyên đơn rút đơn kháng cáo và yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn vẫn giữ nguyên kháng cáo, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm do vi phạm thủ tục tố tụng vì vụ án đưa ra xét xử lần thứ nhất, chị Trúc vắng mặt nhưng xét

xử; nội dung vụ án 489,9m² là di sản của cụ Nh chết để lại, Tòa án cấp sơ thẩm xác định 489,9m² chia làm 2 phần cho ông Thành một phần và cụ Nh một phần là không đúng, dù bị đơn không có đơn phản tố nhưng có yêu cầu nhưng Tòa sơ thẩm không giải quyết là sai phạm; khi giải quyết chỉ xem xét công sức gìn giữ quản lý tài sản của bị đơn 10% giá trị di sản là thấp, yêu cầu được hưởng 01 kỷ phần thừa kế. Từ đó bị đơn yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án.

Đại diện nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn chỉ khởi kiện 230m² cụ Nh chết để lại; bị đơn không có đơn phản tố, yêu cầu đối với phần đất ông Th quản lý, sử dụng. Nay đại diện bị đơn đưa ra và có yêu cầu là không có căn cứ; đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Về thủ tục tố tụng những người tiến hành tố tụng, các đương sự tuân thủ đúng theo quy định. Về nội dung kháng cáo của nguyên đơn, tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn rút đơn kháng cáo, đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của nguyên đơn. Bị đơn cho rằng chị Tr vắng mặt nhưng Tòa cấp sơ thẩm xét xử là vi phạm thủ tục tố tụng là không phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; về nội dung nguồn gốc đất tranh chấp do cụ S để lại cho cụ Nh, năm 1964 cụ Nh xây nhà trên một phần đất để ở; đến năm 1971, cụ Nhượng cho ông Th một phần đất còn lại để xây nhà ở. Nay cụ Nh chết phần đất 230m² của cụ Nh để lại chia thừa kế là có cơ sở, Tòa án cấp sơ thẩm hủy Bản cam kết hội đồng gia tộc và chia thừa kế là có căn cứ; đề nghị bác đơn kháng cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Kim Kh, Nguyễn Thúy Ng, Nguyễn Phương L và bị đơn ông Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Viên Thanh Tr đúng theo quy định của pháp luật, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Tại phiên tòa, nguyên đơn rút toàn bộ đơn kháng cáo, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của nguyên đơn.

[3]. Xét kháng cáo của bị đơn yêu cầu hủy bản án sơ thẩm với lý do chị Tr vắng mặt, Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành xét xử vắng mặt chị Tr là vi phạm thủ tục tố tụng: Ngày 19/8/2019, chị Tr có văn bản ủy quyền cho ông Lê Việt Cường đại diện tham gia các buổi họp, hòa giải (BL: 57, 58). Sau đó ngày 07/9/2020 chị Trúc ủy quyền cho ông C là người đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa sơ thẩm; phiên tòa ngày 09/01/2024 tạm ngừng để thu thập tài liệu, chứng cứ và ấn định

mở lại phiên tòa ngày 19/01/2024 đã được thông báo công khai cho các bên đương sự; chỉ Tr vắng mặt có ông C là người đại diện theo ủy quyền có mặt, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vụ án là đúng theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; không thuộc trường hợp được quy định tại Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên không được chấp nhận.

[4]. Xét kháng cáo của bị đơn cho rằng nội dung giải quyết vụ án không đúng pháp luật thì thấy:

[4.1]. Theo các tài liệu, chứng cứ do hai bên đương sự cung cấp; cũng như lời thừa nhận của các đương sự trong vụ án thì diện tích 489,9m², tại thửa 53, 54, 55, 60 và 61, tờ bản đồ 59, tại ấp Nhị H, xã Hiệp H (nay là phường Hiệp H), thành phố Biên H, tỉnh Đồng N; có nguồn gốc của cố Nguyễn Văn S chết để lại cho con gái là cụ Nguyễn Thị Nh.

[4.2]. Cụ Nguyễn Thị Nh kết hôn với cụ Nguyễn Phước Đ có 02 người con chung là bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn Phước Th (chết năm 2002). Sau khi cụ Nguyễn Phước Đ chết, cụ Nguyễn Thị Nh chung sống với cụ R (không biết rõ họ tên) và có 01 người con chung là ông Nguyễn Văn T.

[4.3]. Diện tích 489,9m² cụ Nguyễn Thị Nh quản lý, sử dụng. Năm 1965, cụ Nguyễn Thị Nh xây dựng nhà ở trên diện tích 230,2m²; đến năm 1971, cụ Nguyễn Thị Nh cho vợ chồng ông Th, bà Đ diện tích 259,7m² dùng để xây dựng nhà ở; đến ngày 30/04/1987, vợ chồng ông Th, bà Đ được Ty xây dựng tỉnh Đồng N cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà, tại địa chỉ 28/A2, ấp Nhị H, xã Hiệp H (BL: 29); và đến ngày 01/09/1987, cụ Nh được Ty xây dựng tỉnh Đồng N cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà, tại địa chỉ 29/A2, ấp Nhị H, xã Hiệp H (nay là phường Hiệp H), thành phố Biên H, tỉnh Đồng N (BL: 28). Như vậy, có cơ sở xác định diện tích 259,7m² cụ Nh đã tặng cho vợ chồng ông Th, bà Đ xây dựng nhà ở và được Ty xây dựng tỉnh Đồng N cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà.

[4.4]. Ngày 27/12/1994 cụ Nh chết, không để lại di chúc; ông T là con ở chung với cụ Nh tiếp tục quản lý nhà 29/A2, ấp Nhị H, xã Hiệp H và diện tích 230,2m² đất do cụ Nh chết để lại. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định di sản của cụ Nh chết để lại là căn nhà 29/A2 và diện tích 230,2m² đất, tại ấp Nhị H, xã Hiệp H và người thừa kế di sản của cụ Nh là bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Phước Th và ông Nguyễn Văn T là có cơ sở. Đến ngày 19/4/2000, ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Phước Th lập “Bản cam kết hội đồng gia tộc” thống nhất để cho ông Nguyễn Văn T được sử dụng căn nhà 29/A2 và toàn bộ diện tích đất cha mẹ để lại, được UBND xã Hiệp H ký xác nhận cùng ngày (BL: 307); tại phiên Tòa sơ thẩm người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không yêu cầu giám định chữ ký của ông Nguyễn Phước Th và cũng công nhận đó là chữ ký của ông Nguyễn Phước Th, vì có xác nhận của UBND xã Hiệp H (BL: 339). Do đó, có đủ căn cứ để kết luận: khi còn sống ông Nguyễn Phước Th ký “*Bản cam kết hội đồng gia tộc*” thống nhất để cho ông Nguyễn Văn T được sử dụng căn nhà 29/A2 và toàn bộ diện tích đất cha mẹ để lại. Như vậy, về ý chí của ông Nguyễn Phước Th khi còn

sống đã giao toàn bộ di sản của cụ Nh mà ông Th được hưởng cho ông Nguyễn Văn T. Mặt khác, tại Biên bản lấy lời khai ngày 11/01/2023 của bà Nguyễn Thị X là người thừa kế di sản còn lại của cụ Nh cũng xác nhận không tranh chấp, không yêu cầu chia di sản của cụ Nh chết để lại, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật (BL: 174); điều đó chứng tỏ bà X và ông Th là người hưởng di sản của cụ Nh đã thống nhất không tranh chấp, không yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Nh.

[4.5]. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng “Bản cam kết gia tộc” ngày 19/4/2000 thiếu đồng thừa kế là bà Nguyễn Thị X không tham gia; về nội dung ghi ông Tư là con của cụ Nguyễn Phước Đ là không đúng, “*Sau khi bàn bạc trong gia đình, chúng tôi nhất trí để cho ông Nguyễn Văn T được quyền sử dụng toàn bộ căn nhà 29/A2 và toàn hộ diện tích cha mẹ để lại.*”. Theo đó, ông T chỉ được giao quyền sử dụng nhà, đất 29/A2 nêu trên tại ấp Nhị H, phường Hiệp H, thành phố Biên H, tỉnh Đồng N mà không được giao quyền định đoạt đối với phần nhà đất nêu trên là không phù hợp và cũng không làm thay đổi bản chất nội dung sự việc: *người thừa hưởng di sản của cụ Nh là ông Th và bà X cam kết không tranh chấp, không yêu cầu chia di sản của cụ Nh và giao toàn bộ tài sản của cụ Nh chết để lại cho ông T.* Từ đó, có đủ cơ sở để xác định “Bản cam kết gia tộc” ngày 19/4/2000, không xâm phạm quyền lợi của bà X và đúng với ý chí của ông Th khi còn sống nên có giá trị.

[4.6]. Ngày 19/4/2000, ông Nguyễn Văn T làm “Đơn xin thừa kế nhà ở đất ở tại đô thị” của mẹ là cụ Nguyễn Thị Nh được UBND xã Hiệp H xác nhận cùng ngày (B: 306). Ngày 07/4/2006, ông Nguyễn Văn T được UBND thành phố Biên H cấp Giấy CNQSDĐ diện tích 258,2m², thuộc thửa 08, tờ bản đồ 59, xã Hiệp H (BL: 86). Ngày 01/10/2010, ông Nguyễn Văn T được UBND thành phố Biên H cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mới số BC781737 ngày 01/01/2010 với diện tích đất 240,8m², thuộc thửa số 52, tờ bản đồ số 59 (BL: 85). Do đó, ông Nguyễn Văn T được UBND thành phố Biên H cấp và cấp đổi giấy cho ông Nguyễn Văn T là đúng trình tự thủ tục, không xâm phạm đến quyền lợi của đồng thừa kế khác nên được xem là hợp pháp, đúng quy định.

[4.7]. Về yêu cầu công nhận lối đi chung: Qua thực tế xem xét thẩm định tại chỗ và theo bản đồ số 958/2021 thể hiện 03 thửa đất số 53, 54, 55 của nguyên đơn đang sử dụng đã bị vây bọc bởi các thửa 60, 61 của bị đơn; thực tế khi cụ Nh cho đất để ông Th xây dựng nhà ở (hiện là thửa 53, 54, 55), gia đình ông Th đi qua phần đất của cụ Nh; sau khi cụ Nh chết gia đình ông Th vẫn sử dụng phần đất giữa 02 thửa 60 và 61 để làm lối đi chung của nguyên đơn và bị đơn. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm công nhận lối đi có diện tích 40,1m² được giới hạn bởi các mốc (15, 16, 17, 18, 19, 10, 12, 13, 14, 9, 8, 7, 6, 15) theo Bản vẽ hiện trạng khu đất số 958/2021 ngày 02/3/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng N – Chi nhánh Biên H là đường đi chung giữa nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với thực

tế khi cụ Nh còn sống và đảm bảo lối đi cho những người thừa kế của cụ Nh là có cơ sở.

[5]. Từ những phân tích trên, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn hủy Bản cam kết hội đồng gia tộc ký giữa ông Nguyễn Phước Th và ông Nguyễn Văn T ngày 19/4/2000; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất do UBND thành phố Biên H cấp ngày 31/01/2013 cho ông Nguyễn Văn T, tại thửa đất 61, tờ bản đồ 59 và cho bà Nguyễn Viên Thanh Tr, tại thửa đất 60, tờ bản đồ 59, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên H, tỉnh Đồng N; chia di sản thừa kế là nhà tại số 29/A2 và diện tích đất 190,1m², tại thửa 60 và 61, tờ bản đồ số 59, phường Hiệp H, thành phố Biên H, tỉnh Đồng N.

[6]. Hội đồng xét xử thấy lời trình bày của người đại diện hợp pháp của bị đơn và người bảo vệ quyền lợi cho bị đơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận; quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận; không chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn; sửa một phần bản án sơ thẩm, nên sửa phần án phí dân sự sơ thẩm. Do sửa một phần bản án sơ thẩm nên bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm; nguyên đơn rút đơn kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

I. Chấp nhận rút đơn kháng cáo của nguyên đơn chị Nguyễn Thúy Ng, chị Nguyễn Kim Kh, chị Nguyễn Phương L; chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Viên Thanh Tr; sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2024/DS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng N như sau:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của nguyên đơn chị Nguyễn Thúy Ng, chị Nguyễn Kim Kh, chị Nguyễn Phương L.

Căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228, Điều 157, Điều 165; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 254 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 100, 166 Luật đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 7 Điều 27, khoản 2 và khoản 4 Điều 29 Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thúy Ng, chị Nguyễn Kim Kh, chị Nguyễn Phương L, đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Viên Thanh Tr:

2.1. Hủy Bản cam kết hội đồng gia tộc ký giữa ông Nguyễn Phước Th và ông Nguyễn Văn T ngày 19/4/2000.

2.2. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BM 763668 do Ủy ban nhân dân thành phố Biên H cấp ngày 31/01/2013 cho ông Nguyễn Văn T (thửa đất 61, tờ bản đồ 59, phường Hiệp H, thành phố Biên H) và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BM 763667 do Ủy ban nhân dân thành phố Biên H cấp ngày 31/01/2013 cho bà Nguyễn Viên Thanh Tr (thửa đất 60, tờ bản đồ 59, phường Hiệp Hòa, thành phố Biên H).

2.3. Chia thừa kế căn nhà tại số 29/A2 và diện tích đất 190,1m², tại thửa 60 và 61, tờ bản đồ số 59, phường Hiệp H, thành phố Biên H, tỉnh Đồng N.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thúy Ng, chị Nguyễn Kim Kh, chị Nguyễn Phương L, đối với bị đơn ông Nguyễn Văn TM, chị Nguyễn Viên Thanh Tr: Công nhận lối đi có diện tích 40,1m² được giới hạn bởi các mốc (15, 16, 17, 18, 19, 10, 12, 13, 14, 9, 8, 7, 6, 15) theo Bản vẽ hiện trạng khu đất số 958/2021 ngày 02/3/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng N - Chi nhánh Biên H là lối đi chung giữa nguyên đơn và bị đơn.

Ông Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Viên Thanh Tr có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh lại phần diện tích sử dụng bị thay đổi, tại thửa 60 và 61, tờ bản đồ 59, tại phường Hiệp H, thành phố Biên H, tỉnh Đồng N theo đúng quyết định của bản án.

4. Về chi phí tố tụng:

Nguyên đơn và bị đơn mỗi bên chịu một nửa chi phí tố tụng đối với số tiền 53.100.788 đồng. Nguyên đơn đã tạm ứng trước nên ông Nguyễn Văn T phải thanh toán lại cho các nguyên đơn chị Nguyễn Thúy Ng, chị Nguyễn Kim Kh, chị Nguyễn Phương L số tiền 26.550.394 đồng.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thúy Ng, chị Nguyễn Kim Kh, chị Nguyễn Phương L phải chịu 300.000 đồng. Hoàn trả 1.750.000 đồng theo các Biên lai thu tiền số 0003774, 0003775, 0003776 ngày 12/3/2020; hoàn trả 300.000 đồng theo các Biên lai thu tiền số 0000709, 0000710, 0000711 ngày 15/3/2023; hoàn trả 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000865 ngày 20/6/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng N cho nguyên đơn chị Nguyễn Thúy Ng, chị Nguyễn Kim Kh, chị Nguyễn Phương L.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Viên Thanh Tr phải nộp 300.000 đồng.

II. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thúy Ng, chị Nguyễn Kim Kh, chị Nguyễn Phương L phải chịu 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000161, 0000162, 0000160 ngày 21/02/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng N.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Viên Thanh Tr không phải chịu. Hoàn trả 300.000 đồng tiền tạm ứng đã nộp theo Biên lai hu số 0000151 ngày 02/02/2024.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

III. Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Đồng N;
- VKSND tỉnh Đồng N;
- Cục THADS tỉnh Đồng N;
- Đương sự;
- Lưu VP, HS, NTTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Ý

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Văn Công - Trần Thị Hòa Hiệp

Đặng Văn Ý